BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG V/2015

HÀ NỘI, THÁNG VI/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự bỏo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ:	23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại:	04.7733372; 047733090-407
Fax:	04.8358626
Email:	son.nguyenhong@imh.ac.vn;
Webside:	http://www.imh.ac.vn

MỤC LỤC

Trang

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2015 3

1. Vùng Tây Bắc..... 3

2. Vùng Việt Bắc..... 4

3. Vùng Đông Bắc..... 6

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ 7

5. Vùng Bắc Trung Bộ 8

6. Vùng Trung Trung Bộ..... 10

7. Vùng Nam Trung Bộ..... 11

8. Vùng Tây Nguyên 12

9. Vùng Nam Bộ..... 14

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2015..... 15

1. Đối với cây lúa 16

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp 17

III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG VI/2015 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII, VIII/2015 18

1. Về kết quả dự báo thời tiết trong tháng VI/2015 ..... **Error! Bookmark not defin**

2. Về kết quả dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII, VIII/2015..... **Error! Bookmark not defin**

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ 20

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng V/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,4^{0}C đến 4,1^{0}C) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -190mm đến 600mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -30 giờ đến 100 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -16% đến 3%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng V/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4 đến 1,3^{0}C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 19,8^{0}C (Sìn Hồ) đến 28,5^{0}C (Chi Nê) (hình 10).

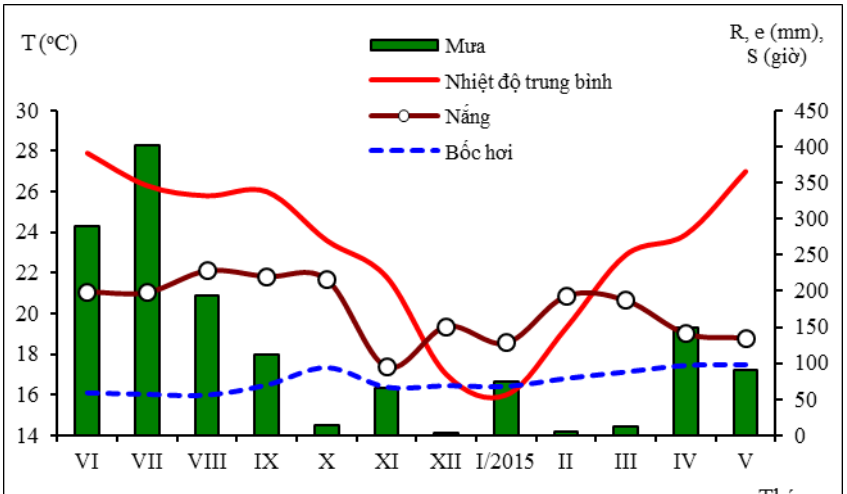

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Điện Biên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 17,1^{0}C đến 25,0^{0}C, giá trị thấp nhất là 13,2^{0}C xảy ra vào ngày 02/V tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,8^{0}C (Sìn Hồ) đến 34,6^{0}C (Hòa Bình), giá trị cao nhất là 39,9^{0}C xảy ra vào ngày 15/V tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (21mm đến 166mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động

trong khoảng từ 143mm đến 412mm, cao nhất là 437mm tại Mường Lay.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 20mm đến 92mm, cao nhất là 113mm vào ngày 24/V tại Kim Bôi.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 25 ngày, cao nhất là 26 ngày tại Mường Lay. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -47 giờ đến 37 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 153 giờ đến 227 giờ, cao nhất là 229 giờ (Tuần Giáo) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2015 dao động từ 75% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 5%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 15/V tại Cò Nòi và Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng V/2015 có giá trị phổ biến từ 61mm đến 121mm, cao nhất là 127mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-358mm đến -48mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 8mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông dao động từ 11 đến 22 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng V/2015 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ($0,4^0$C đến $1,3^0$C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,3^0$C (Sa Pa) đến $28,6^0$C (Vĩnh Yên)*;*

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,5^0$C (Sa Pa) đến $25,2^0$C (Vĩnh Yên), *nhiệt độ không khí thấp nhất là $12,3^0$C xảy ra vào ngày 01/V tại Sa Pa, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc*.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,3^{0}C (Sa Pa) đến 33,4^{0}C (Vĩnh Yên), nhiệt độ không khí cao nhất là 40,2^{0}C xảy ra vào ngày 16/V tại Vĩnh Yên.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 119mm đến 401mm, *cao nhất là 641mm tại Bắc Quang, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc*; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-180mm đến 161mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

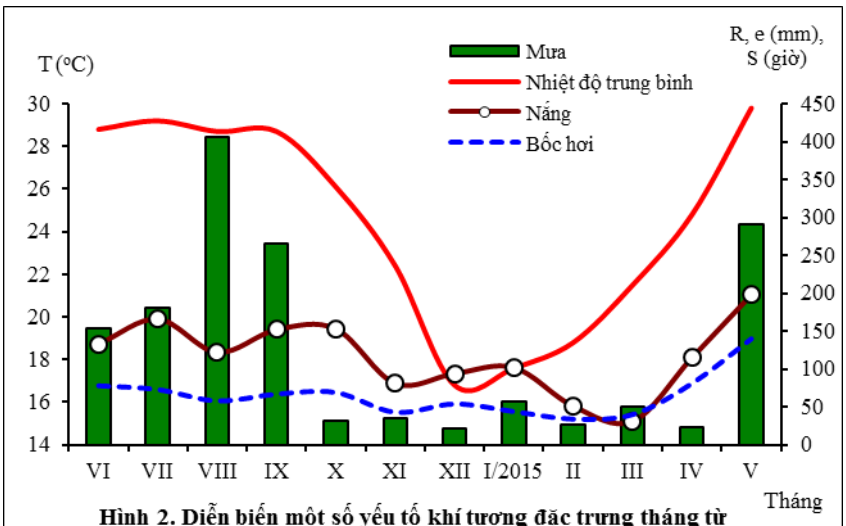

Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 31mm đến 126mm, cao nhất là 134mm xảy ra vào ngày 30/V tại Bắc Cạn. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 13 - 23 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 150 giờ đến 201 giờ, cao nhất là 219 giờ (Lào Cai), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-40 giờ đến 30 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2015 phổ biến từ 79 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37%, xảy ra vào ngày 16/V tại Phú Hộ.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 56mm đến 101mm, cao nhất là 117mm tại Lào Cai, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-577mm đến -39mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm, cao nhất là 8mm, xảy ra vào ngày 15/V tại Sa Pa.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7

ngày, một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông từ 10 đến 21 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 0,9^{0}C); có giá trị dao động từ 24,6^{0}C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 28,0^{0}C (Uông Bí) (hình 10).

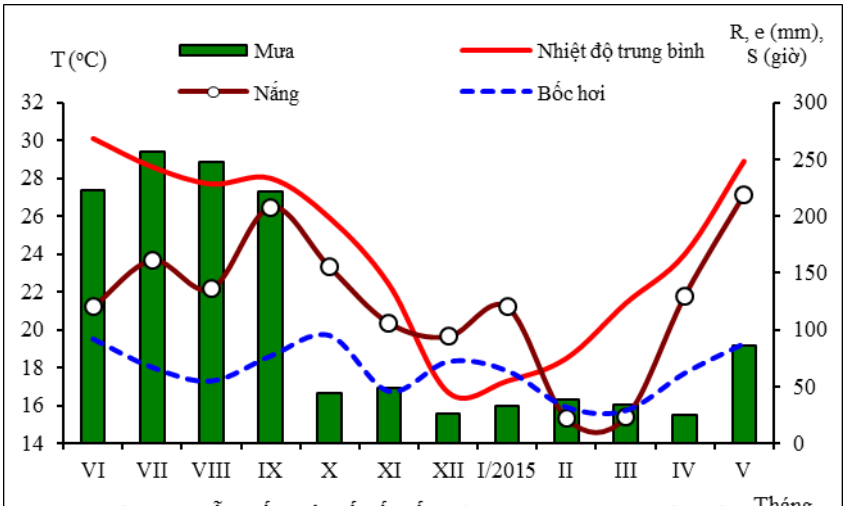

Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Phù Liễn

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 29,3^{0}C (Trùng Khánh) đến 33,4^{0}C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,3^{0}C xảy ra vào ngày 16/V tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 21,6^{0}C (Trùng Khánh) đến 25,3^{0}C (Bãi Cháy và Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,2^{0}C xảy ra vào ngày 12/V tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng V/2015 dao động phổ biến từ 178mm đến 518mm, cao nhất là 539mm tại Sơn Động, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (26mm đến 351mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 38 đến 143mm, *cao nhất là 145mm xảy ra vào ngày 30/V tại Uông Bí, đây là giá trị lượng mưa ngày cao nhất toàn quốc*.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ

hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-154 giờ đến -19 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 123 giờ (Bãi Cháy) đến 177 giờ (Bắc Giang), cao nhất là 187 giờ tại Bảo Lạc.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 61 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-15% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 16/V tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 55mm đến 85mm, cao nhất là 105mm tại Bảo Lạc. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở thấp hơn giá trị lượng mưa (-463mm đến -106mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 7 ngày, trong đó tại Bảo Lạc có 2 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 8 đến 17 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,0^{0}C (Sơn Tây và Thái Bình) đến 28,9^{0}C (Láng), ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,9^{0}C đến 1,6^{0}C) (hình 10);

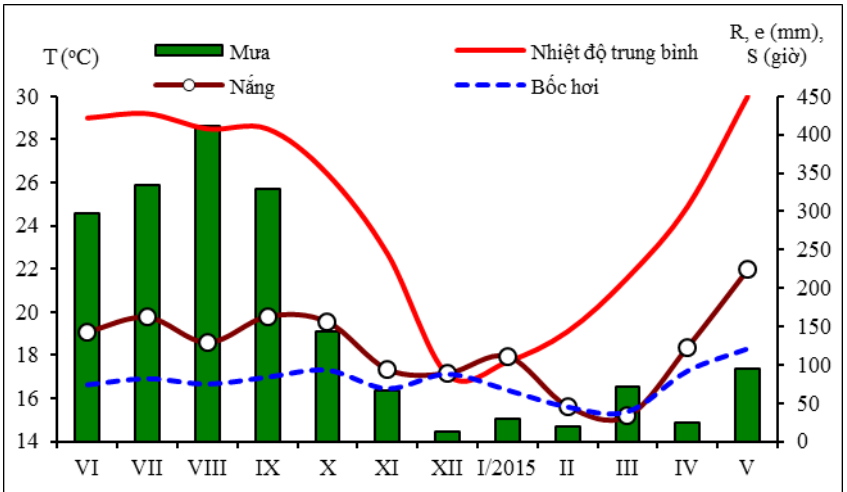

Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Hà Đông

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,9^{0}C (Văn Lý) đến 33,9^{0}C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 40,0^{0}C xảy ra vào ngày 16/V tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 24,5^{0}C (Sơn Tây) đến 26,3^{0}C (Văn Lý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,0^{0}C xảy ra vào ngày 07/V tại Sơn Tây. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-49mm đến 167mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 138mm đến 296mm, cao nhất là 366mm tại Hải Dương.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 41 đến 102mm, cao nhất là 117mm xảy ra vào ngày 01/V tại Hải Dương; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 123 giờ (Hưng Yên) đến 177 giờ (Nho Quan), cao nhất là 180 giờ tại Thái Bình; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -218 giờ đến -12 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% (Láng) đến 87% (Văn Lý và Thái Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-6% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 16/V tại Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý và Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 69mm (Sơn Tây) đến 98mm (Hà Đông), cao nhất là 100mm tại Hưng Yên và Nam Định; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -289mm đến -41mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 8 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông dao động từ 10 đến 17 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Thái Bình.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,7^{0}C đến 1,9^{0}C) (hình 10) và có giá trị từ 27,7^{0}C (Hồi Xuân) đến 29,6^{0}C (Vinh).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,9^{0}C (Thanh Hóa) đến 36,4^{0}C (Tương Dương), *giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,6^{0}C xảy ra vào ngày 16/V tại Con Cuông, đây là giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng cao nhất toàn*

quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,0^{0}C (Hồi Xuân) đến 26,5^{0}C (Vinh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,1^{0}C xảy ra vào ngày 05/V tại Hương Sơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 81mm đến 213mm, cao nhất là 251mm tại Quỳ Hợp. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-78mm đến 82mm) (hình 11).

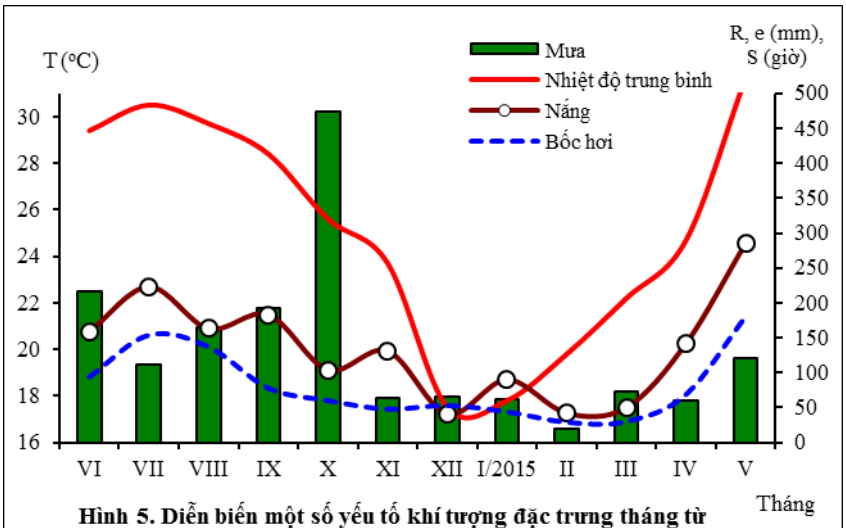

Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Vinh

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 23 đến 72mm, cao nhất là 82mm, xảy ra vào ngày 04/V tại Hương Sơn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 161 (Hồi Xuân) đến 232 giờ (Hà Tĩnh và Kỳ Anh), cao nhất là 236 giờ (Quỳnh Lưu); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -15 giờ đến 16 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 73% (Hà Tĩnh) đến 84% (Yên Định và Thanh Hóa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-8% đến -3%); *giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 19/V tại Như Xuân, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc*.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 74mm đến 135mm, cao nhất là 146mm tại Kỳ Anh; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 5 - 10mm, *cao nhất là 12mm, xảy ra vào ngày 27/V tại Quỳnh Lưu, đây là giá trị bốc hưi ngày cao nhất toàn quốc*. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc

dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-150mm đến 65mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 19 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 10 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông từ 6 đến 17 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2015 từ 26,5^{0}C (Khe Sanh) đến 29,5^{0}C (Đồng Hới), phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,4^{0}C đến 1,5^{0}C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

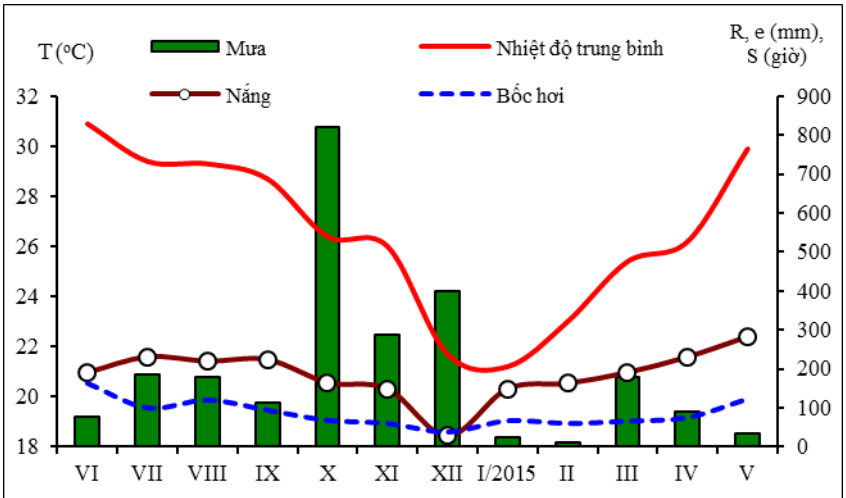

Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,1^{0}C (Khe Sanh) đến 35,4^{0}C (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,2^{0}C xảy ra vào ngày 16/V tại Ba Đồn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,9^{0}C (Trà My) đến 26,2^{0}C (Đồng Hới và Ba Đồn), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,4^{0}C xảy ra vào ngày 02/V tại Khe Sanh.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng V/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 20mm đến 211mm, cao nhất là 219mm tại Khe Sanh. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-67mm đến 59mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 76mm, cao nhất là 80mm xảy ra vào ngày 07/V tại Nam Đông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 223 giờ đến 261 giờ, cao nhất là 284 giờ (Đà Nẵng), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (12 giờ đến 34 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 75% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 16/V tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 57mm đến 133mm, cao nhất là 135mm tại Đông Hà. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-154mm đến 84mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hầu nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông dao động từ 7 đến 30 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2015 từ 28,8^{0}C (Hoài Nhơn) đến 30,1^{0}C (Phú Quý), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,8 đến 1,1^{0}C (hình 10).

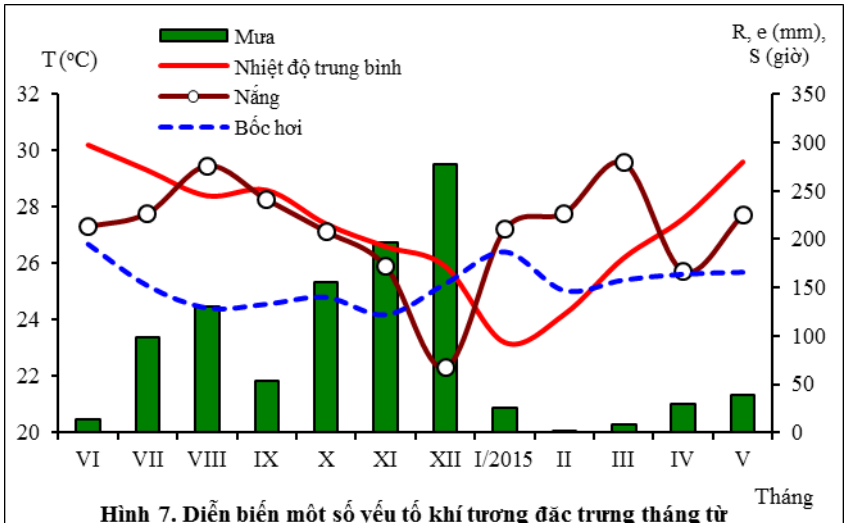

Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,0^{0}C (Quy Nhơn) đến 35,0^{0}C (Tuy Hòa), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,0^{0}C xảy ra vào ngày 21/V tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0^{0}C (Hoài Nhơn) đến 27,5^{0}C (Phú Quý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8^{0}C, xảy ra vào ngày 03/V tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha

Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 6mm đến 155mm, cao nhất là 256mm tại Quy Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -49mm đến 193mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XI/2012 đến tháng V/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 46mm, cao nhất là 144mm, xảy ra vào ngày 11/V tại Quy Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 4 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 20 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 263 giờ (Phan Thiết) đến 304 giờ (Tuy Hòa), *cao nhất là 306 giờ tại Quy Nhơn, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc*; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (12 giờ đến 37 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% (Nha Trang) đến 81% (Hoài Nhơn và Quy Nhơn), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -5 đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 38% xảy ra vào ngày 13/V tại Phan Thiết.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 80mm đến 144mm, *cao nhất là 148mm tại Phan Rang, đây là giá trị lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc*. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-176mm đến 138mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 10 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2015 từ 20,1^{0}C (Đà Lạt) đến 28,9^{0}C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4^{0}C đến 1,3^{0}C (hình 10).

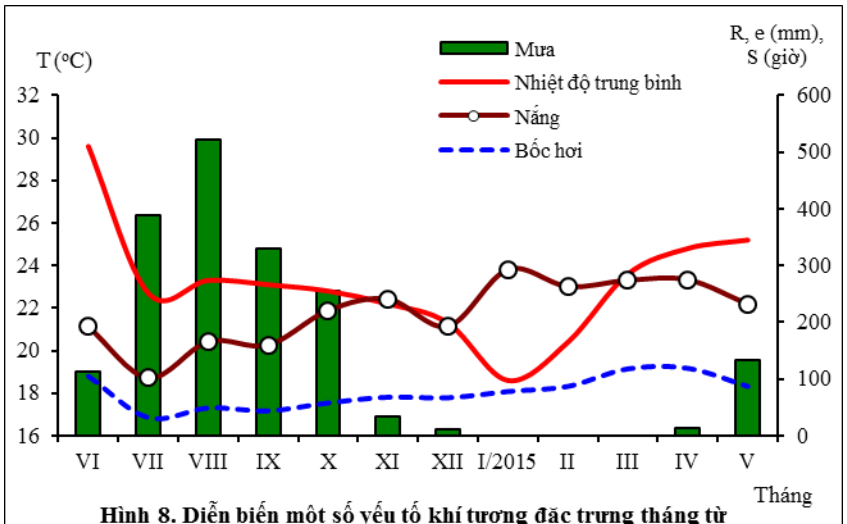

Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,5^{0}C (Đà Lạt) đến 35,1^{0}C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,7^{0}C xảy ra vào ngày 15/V tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,9^{0}C (Đà Lạt) đến 25,1^{0}C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,9^{0}C xảy ra vào ngày 03/V tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2015 dao động từ 118mm đến 253mm, cao nhất là 268mm tại Đà Lạt. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -108mm đến 44mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 29mm đến 80mm, cao nhất là 86mm vào ngày 24/V tại Đà Lạt. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 15 đến 23 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2015 phổ biến từ 193 giờ (Đà Lạt) đến 249 giờ (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 280 giờ tại Ayunpa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-20 giờ đến 39 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13), có giá trị phổ biến từ 76% (Ayunpa) đến 86% (Đà Lạt); độ ẩm không khí thấp nhất là 47% xảy ra vào ngày 04/V tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 40mm (Đà Lạt) đến 101mm (Kon Tum), cao nhất là 106mm tại Ayunpa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất

phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-228mm đến -103mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện 21 ngày tại Ayunpa, với cường độ nhẹ;
- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 16 đến 28 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2015 từ 27,9^{0}C (Phước Long) đến 30,0^{0}C (Vũng Tàu), phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3^{0}C đến 1,6^{0}C) (hình 10).

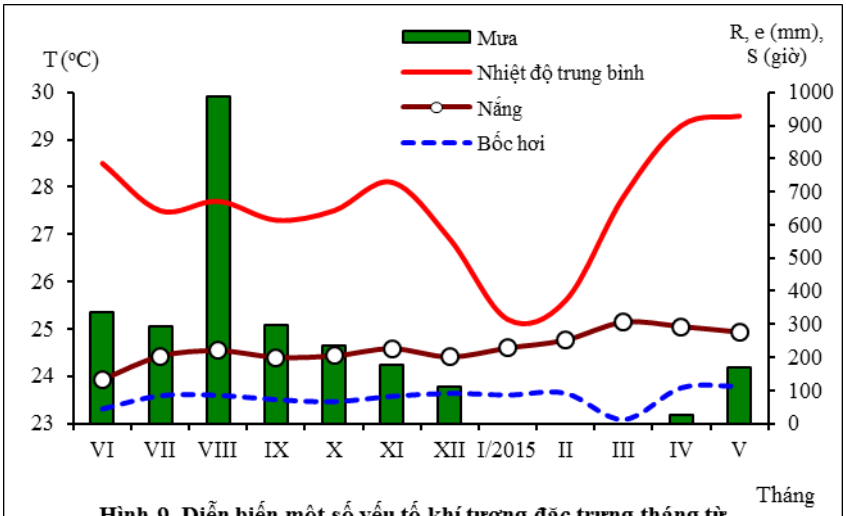

Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng V/2015 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,9^{0}C (Sóc Trăng) đến 35,0^{0}C (Tây Ninh), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,0^{0}C xảy ra vào ngày 14/V tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,4^{0}C (Phước Long) đến 27,8^{0}C (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,5^{0}C xảy ra vào ngày 04/V tại Tây Ninh. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2015 dao động phổ biến từ 99mm đến 290mm, cao nhất là 307mm tại Đồng Phú. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-107mm đến 101mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 23mm đến 59mm, cao nhất là 62mm xảy ra vào ngày 12/V tại Đồng Phú.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 15 đến 22 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2015 phổ biến từ 178 giờ (Rạch Giá và Cà Mau) đến 264 giờ (Đồng Phú và Mộc Hóa), cao nhất là 268 giờ tại Tây Ninh; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-49 giờ đến 29 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% (Vũng Tàu) đến 87% (Càng Long), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-5% đến 3%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 06/V tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 61mm đến 107mm, cao nhất là 123mm tại Vũng Tàu (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-200mm đến -27mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 21 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Dông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có dông từ 5 đến 23 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2015

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2015 ở hầu hết các địa phương phía Bắc tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Nền nhiệt và số giờ nắng chủ yếu ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN, lượng mưa và số ngày mưa tăng đảm bảo được cho lúa xuân ở Miền Bắc trỗ bông, chắc xanh. Ở Miền Nam đã bắt đầu vào mùa mưa do vậy lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể so với các tháng trước nhưng vẫn thấp hơn TBNN. Ở khu vực Miền Trung, do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng cao, cao hơn cả lượng mưa gây thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng V ở hầu hết các địa phương số ngày có dông tăng, lượng mưa dông lớn. Đặc biệt, ở hầu hết các khu vực đều xuất hiện gió tây khô nóng, một số vùng như Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên xuất hiện các đợt gió tây khô nóng với cường độ mạnh ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

Tính đến cuối tháng lúa đông xuân ở các tỉnh đồng bằng Sông Hồng cơ bản kết thúc thời kỳ trỗ bông, ở vùng Bắc Trung bộ đã tiến hành thu hoạch và tại các

tỉnh miền Nam cơ bản thu hoạch xong. So với cùng kỳ này năm trước tiến độ thu hoạch lúa đông xuân của các vùng đều nhanh hơn. Theo đánh giá sơ bộ của các Sở Nông nghiệp và PTNT phía Nam, năng suất lúa đông xuân năm nay đạt trên 69,2 tạ/ha, xấp xỉ so với vụ trước. Hiện tại các tỉnh miền Nam đang tích cực làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu.

1. Đối với cây lúa

1.1. Miền Bắc

Tháng V là tháng bắt đầu mùa mưa, lượng mưa và số ngày mưa đã tăng so với các tháng trước, tuy nhiên phần lớn các khu vực lượng mưa vẫn thấp hơn nhiều so với TBNN nhưng phần nào các cơn mưa cũng đã làm thời tiết dịu mát, cung cấp lượng nước đáng kể cho sản xuất nông nghiệp..

Ở vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ, cả tháng có từ 10 – 28 xuất hiện gió tây khô nóng trong đó các khu vực như Sông Mã, Yên Châu, Mai Châu, Bảo Lạc, Tương Dương, Quỳ Châu, Tây Hiếu, Con Cuông, Hương Sơn, Hà Tĩnh, ... có đến trên 7 đợt có cường độ mạnh, các đợt gió tây khô nóng kết hợp với các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng. Hầu hết các khu vực từ Nghệ An đến Khánh Hòa có lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa dẫn đến tình trạng thiếu hụt nước tức thời cho sản xuất nông nghiệp. Số ngày xuất hiện dông tăng, dông, lốc kèm theo mưa lớn gây thiệt hại cho người và hoa màu.

Tính đến cuối tháng, lúa đông xuân ở nhiều tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản trỗ thoát được bà con nông dân chăm bón kịp thời, giữ nước dưỡng lúa, thời tiết thuận lợi. Theo báo cáo của các địa phương, nhìn chung các trà lúa đều sinh trưởng, phát triển tốt; lúa có độ đồng đều tương đối cao, triển vọng cho năng suất khá. Hiện nay đã có khoảng 200 ngàn ha lúa đông xuân sớm đã cho thu hoạch, tập trung chủ yếu ở vùng Bắc Trung bộ và rải rác ở các vùng khác

Ngoài lúa, các cây rau, màu vụ xuân các địa phương đã cơ bản thu hoạch xong, số còn lại đang tiếp tục thu hoạch và chuyển trọng tâm sang chuẩn bị triển khai gieo trồng vụ thu/mùa.

1.2. Miền Nam

Trong tháng V/2015, các địa phương miền Nam đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân, riêng vùng Tây Nguyên mới thu hoạch đạt 65,4% diện tích xuống giống; tốc độ thu hoạch tại vùng này chậm hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm trước do hạn.

Các địa phương thu hoạch xong lúa đông xuân đang chuyển trọng tâm sang

xuống giống lúa hè thu, thu đông và gieo trồng các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu, mùa. Tính đến cuối tháng, lúa đông xuân ở các tỉnh miền Nam đã thu hoạch đạt 1.919 ngàn ha, bằng 98,4% diện tích xuống giống; năng suất lúa đông xuân trung bình toàn miền ước đạt 69,2 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha so với vụ trước; Sản lượng lúa toàn miền ước đạt 13,5 triệu tấn, giảm gần 60 ngàn tấn so với vụ đông xuân 2014. Riêng vùng ĐBSCL kết thúc thu hoạch đạt 1,56 triệu ha, năng suất bình quân đạt khoảng 70 tạ/ha, sản lượng đạt 11,1 triệu tấn, giảm so với vụ trước khoảng 100 ngàn tấn do thời tiết đầu vụ không thuận lợi.

Tháng V gió Tây Nam bắt đầu thổi mạnh ảnh hưởng đến Nam Bộ và Tây Nguyên mang theo mưa rào và dông ở hầu hết các địa phương, các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc xoáy, sét vẫn thường xảy ra. Do nắng nóng tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước, nền nhiệt cao hơn TBNNN, so với cùng kỳ nhiều năm thì tháng V năm nay hiện tượng gió Tây khô nóng có tăng lên đáng kể, làm cho lượng bốc hơi ở nhiều nơi vẫn cao hơn lượng mưa, hạn cục bộ vẫn còn tiếp diễn và ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất vụ hè thu ở những khu vực này. Tính đến cuối tháng, các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa hè thu đạt 1.257 ngàn ha, bằng 93% so với cùng kì năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.173 ngàn ha, bằng 94,2%. Nhìn chung, nhiều địa phương ở vùng ĐBSCL có tiến độ xuống giống lúa hè thu chậm so với cùng kì năm trước một phần do hạn cục bộ tại một số địa bàn thuộc vùng Đồng Tháp Mười và tập trung lao động thu hoạch nhanh lúa đông xuân chín rộ.

Ở các tỉnh ven biển Miền Trung, nửa cuối tháng là thời kỳ gieo sạ lúa hè thu. So với tháng trước và cùng kỳ này nhiều năm, lượng mưa và số ngày mưa tăng lên đáng kể, đã phần nào giải quyết được tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp kéo dài trong thời gian qua và làm giảm khả năng xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mưa đến tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ xuống giống lúa hè thu. Một số địa phương chuyển diện tích trồng màu, đất trồng cây ăn quả kém hiệu quả sang trồng lúa hè thu.

Hạn hán khá gay gắt ở vùng Tây Nguyên thời gian qua đã cơ bản chấm dứt khi trong vùng đã có mưa vừa đến mưa to. Tuy nhiên, theo thống kê sơ bộ diện tích cây trồng bị mất trắng do hạn tại 2 tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai đã lên đến hơn 5.500 ha, trong đó có gần 3 ngàn ha lúa; tổng giá trị thiệt hại lên đến hàng ngàn tỷ đồng.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương trong cả nước đã bắt đầu triển khai

trồng các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu, mùa. Tính từ đầu năm đến cuối tháng 5, tổng diện tích gieo trồng các cây hoa màu trên cả nước mới đạt 1.020 ngàn ha, bằng 91,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt 665,1 ngàn ha, khoai lang đạt 95,1 ngàn ha, sắn đạt 242 ngàn ha. Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 406 ngàn ha, bằng 97,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, cây lạc đạt 154,5 ngàn ha, đậu tương đạt 64,3 ngàn ha, mía đạt 133 ngàn ha, thuốc lá, thuốc lào đạt 26,3 ngàn ha. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 577,1 ngàn ha, xấp xỉ bằng cùng kỳ năm trước

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, nảy chồi trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn chín sữa, lạc hình thành củ trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

3. Tình hình sâu bệnh

Trong tháng sâu bệnh phát sinh tăng, gây hại trên diện rộng chủ yếu đối với bệnh khô vằn, rầy các loại. Các bệnh như bạc lá, đạo ôn cổ bông và lem lép hạt tuy diện tích nhiễm chưa nhiều nhưng có xu hướng tăng. Các loại sâu, bệnh khác đều có phát sinh, nhưng trên phạm vi hẹp, mức độ gây hại nhẹ và giảm so với cùng kỳ năm trước. Số liệu cụ thể về tình hình sâu bệnh gây hại trên lúa trong tháng 5/2015, như sau:

- Bệnh khô vằn: Toàn quốc nhiễm 158.194 ha, diện tích nhiễm nặng 10.969 ha. Bệnh xuất hiện chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc, Miền Trung và các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL.

- Rầy nâu và rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 82.727 ha, trong đó nhiễm nặng 4.471 ha. Đã có trên 22 ha bị mất trắng tại Hòa Bình, Thanh Hóa và Quảng Bình. Diện tích nhiễm phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc và vùng ĐBSCL.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 9.983 ha, nặng 771 ha, tập trung tại một số tỉnh Bắc Trung bộ, Miền Trung và các tỉnh phía Nam.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 7.903 ha, diện tích nhiễm nặng 283 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Phía Bắc và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đạo cổ bông: Tổng diện tích nhiễm trên 5.842 ha, diện tích nhiễm

nặng gần 385 ha; diện tích mất trắng hơn 13 ha, tại các tỉnh Ninh Bình và Quảng Ninh. Bệnh gây hại rải rác trên cả nước.

- Bệnh đạo ôn lá: Gây hại chủ yếu ở các tỉnh Bắc bộ, rải rác ở các tỉnh phía Nam với tổng diện tích nhiễm trên 38 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 1.191 ha.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Tổng diện tích nhiễm 56.480 ha, trong đó nhiễm nặng chỉ 430 ha; tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh lùn sọc đen: Xuất hiện tại tỉnh Sơn La trên diện tích 8,7 ha.
- Bệnh VL- LXL: Gây hại trên diện hẹp tại các tỉnh Kiên Giang và An Giang với mức độ nhẹ. Tổng diện tích nhiễm trên 1,2 ngàn ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 11.743 ha, trong đó nhiễm nặng 841 ha; phạm vi gây hại trên toàn quốc.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII, VIII/2015

1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VI, VII, VIII năm 2015 cho thấy, nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn ở hầu hết diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến trên 1_oC.

2. Lượng mưa

Lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích Trung Bộ và Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng cận đến vượt chuẩn trên khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa có giá trị từ 0 đến 400mm ở Bắc Bộ, cực nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ; từ -400 đến 0mm ở đại bộ phận diện tích Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VI-VIII trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 2 đến 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VI-VIII.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII và VIII/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lúa, tuy nhiên với lượng mưa tháng còn thấp nên cần có các biện pháp cung cấp nước cho các cây trồng cạn phát triển tốt hơn;

- Các loại sâu bệnh gây hại với diện hẹp, tuy nhiên cũng cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, hạn chế sự lây lan và bùng phát trên diện rộng.

2. Miền Nam

- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân, tập trung làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu;

- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

V. TÀI LIÊU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VI, VII, VIII năm 2015;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VI năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng V năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

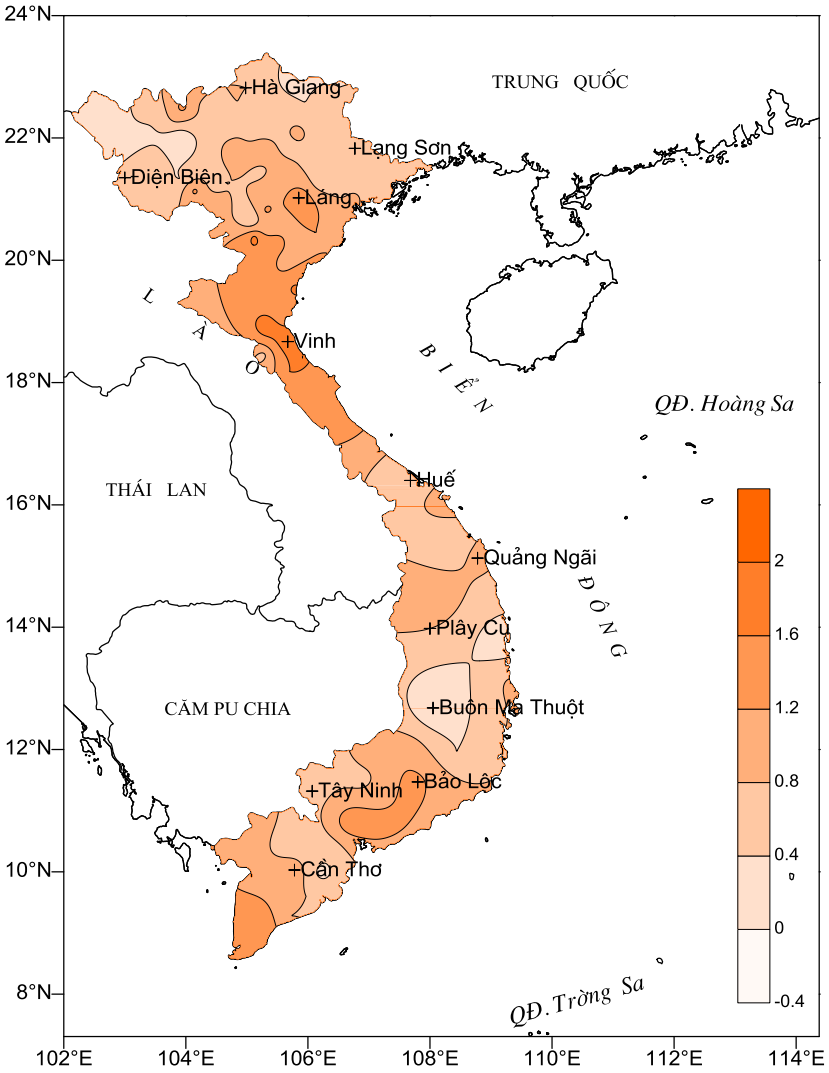

Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2015 so với TBNN (°C)

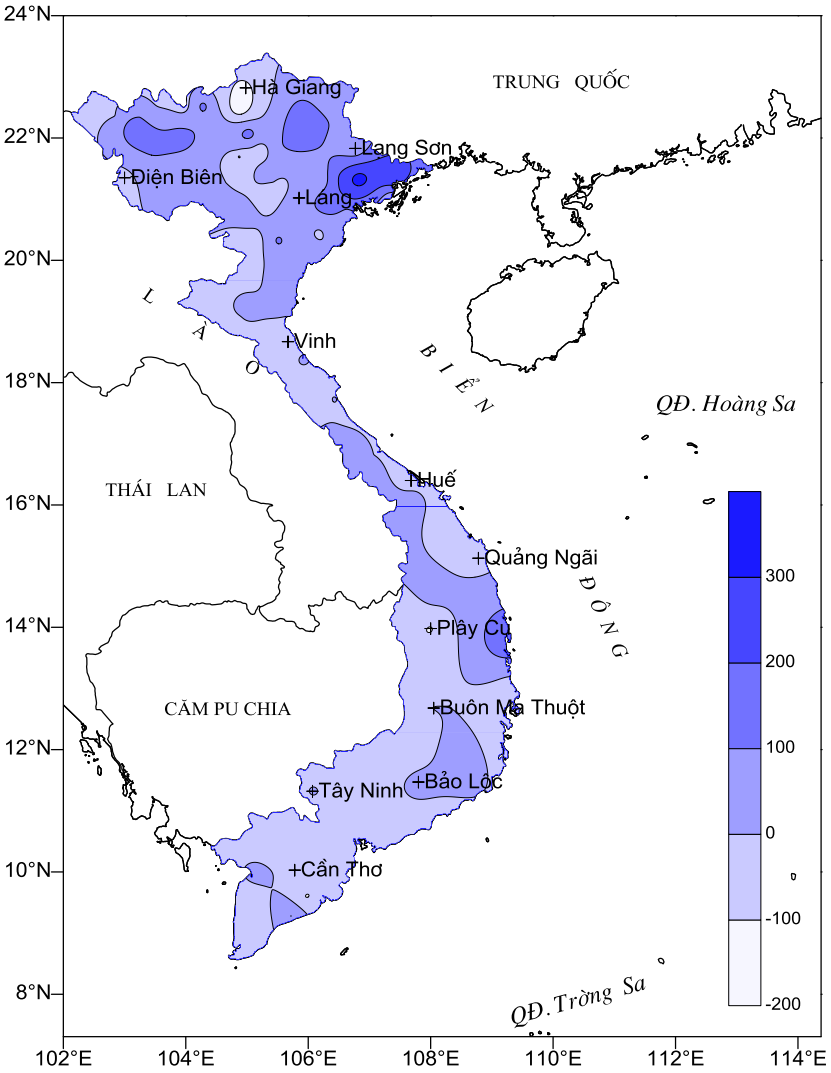

Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2015 so với TBNN (mm)

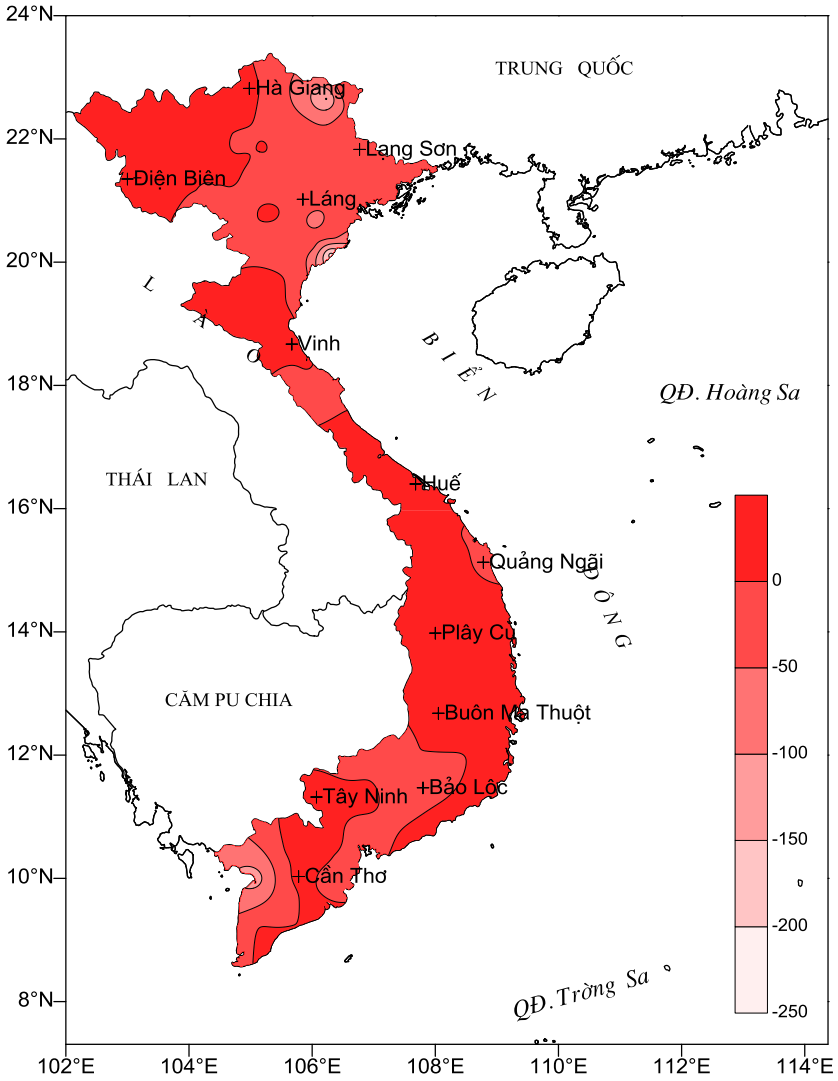

Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2015 so với TBNN (giờ)

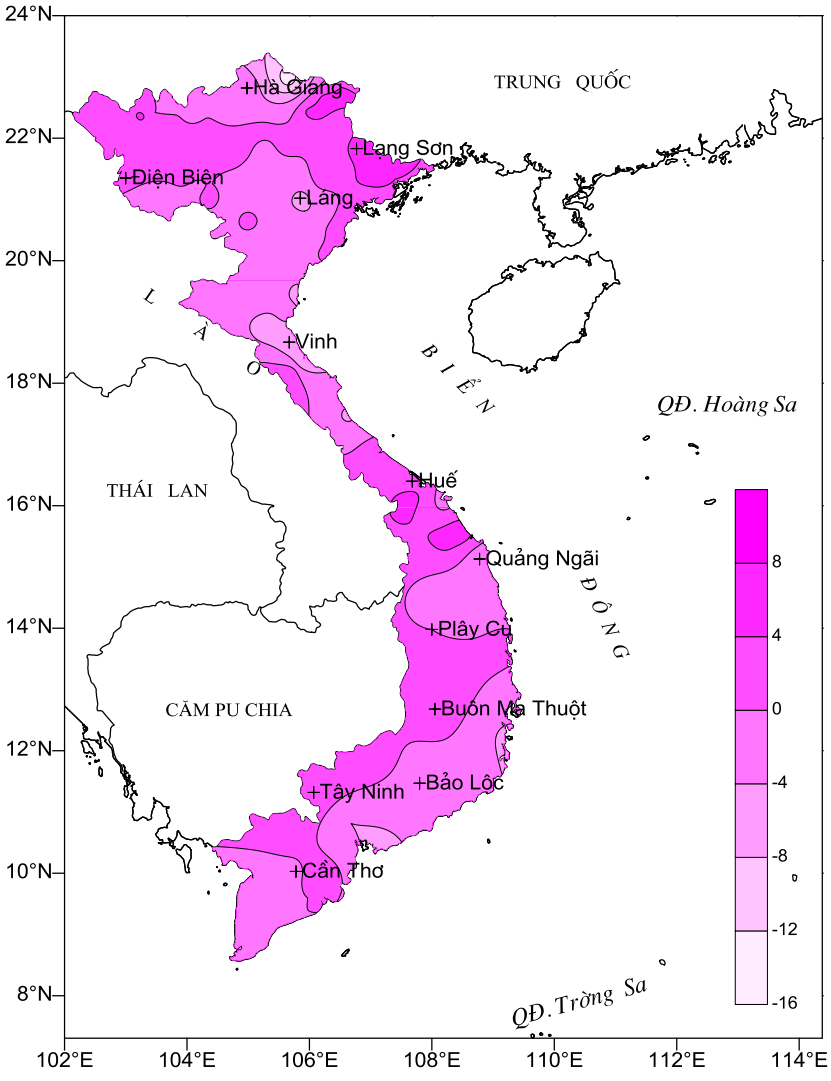

Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2015 so với TBNN (%)

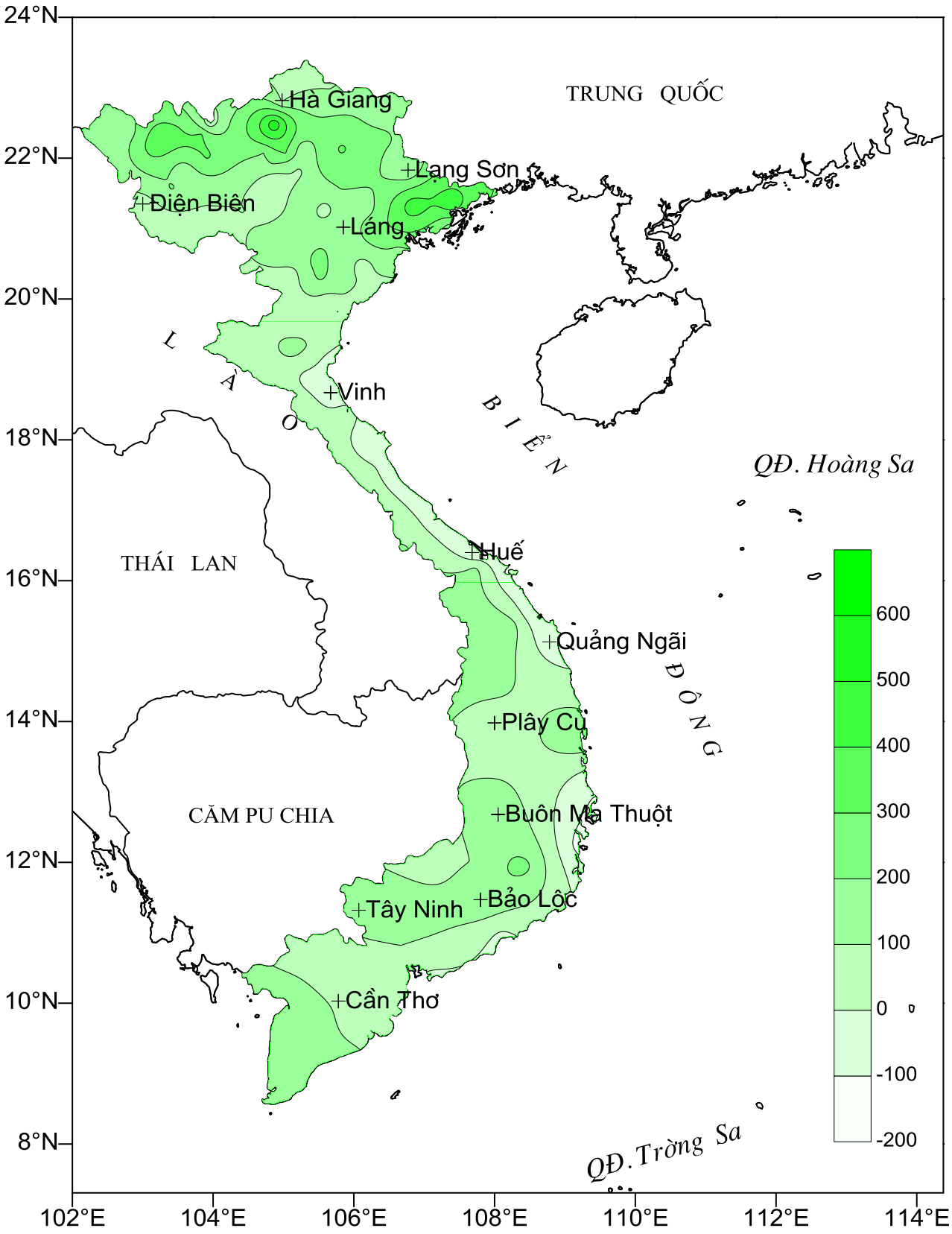

Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2015 (mm)